

Chính sách cạnh tranh trong TPP – Tác động đến “nội luật hóa” và hoạt động cạnh tranh ở Việt Nam

❖ Nguyễn Tú, khoa Luật- ĐH Mở Tp Hồ Chí Minh

LỜI DẪN

Năm 2006, Brunei, Chile, New Zealand và Singapore bắt đầu khởi xướng một FTA bốn bên (Pacific-4). Tiếp theo đó là các quốc gia Hoa Kỳ, Úc, Malaysia, Peru và Việt Nam cùng tham gia vào Hiệp định này, từ đó hình thành Hiệp định TPP. Tháng 3 – 2010 vòng đàm phán đầu tiên của TPP được tổ chức tại Australia, sau đó là Nhật Bản, Hàn Quốc, Mexico, Canada cũng đề nghị gia nhập nhưng Hàn Quốc đã không tham gia.¹

TPP là một Hiệp định thương mại tự do (FTA) có phạm vi cam kết hết sức rộng lớn, nhiều lĩnh vực. Một FTA với những tiêu chuẩn cao và những nội dung chưa từng được đề cập trong các thỏa thuận tự do thương mại trước đó, như: đầu tư công, mua sắm chính phủ, chính sách cạnh tranh, doanh nghiệp nhà nước, thương mại điện tử, lao động và môi trường trong quá trình thực thi.... Vì thế, Hiệp định TPP còn được gọi là FTA “thế hệ mới”. Mục tiêu của TPP là nhằm “*tạo nên một Hiệp định tiêu chuẩn cao, phù hợp với thế kỷ 21*” như lời công bố của văn phòng đại diện thương mại Hoa Kỳ (USTR). Theo đó, TPP hướng đến nền thương mại phi thuế quan đối với các sản phẩm công nghiệp, tự do hóa toàn diện lĩnh vực dịch vụ, đồng thời đồng nhất hóa sâu sắc hơn sự điều tiết của Hiệp định trong lĩnh vực đầu tư công, mua sắm chính phủ, chính sách cạnh tranh, các rào cản kỹ thuật đối với thương mại, thực thi quyền sở hữu trí tuệ, doanh nghiệp nhà nước, thương mại điện tử, lao động và môi trường. Do vậy, hầu hết các điều khoản trong hiệp định TPP đều có tác động, ảnh hưởng nhất định đến chính sách cạnh tranh của nhà nước và hoạt động cạnh tranh của doanh nghiệp.

Tuy nhiên, trong bài viết này, tác giả chỉ giới hạn nghiên cứu những cam kết về Chính sách cạnh tranh trong TPP² và tác động của chính sách này đối với việc “nội luật hóa” pháp luật về cạnh tranh Việt Nam, tác động đến chính sách cạnh tranh, cũng như hoạt động cạnh tranh trên thị trường Việt Nam.

¹ Có một số thông tin cho rằng: Tổng thống Hàn quốc vẫn còn nghi ngại một số làn sóng phản đối trong nước như các nhóm nông nghiệp hay lao động từ trước đến giờ vẫn phản đối kịch liệt các nỗ lực tự do hóa thương mại của Chính phủ nước này (<http://trungtamwto.vn/tpp/han-quoc-va-bai-toan-tpp>, Truy cập ngày 02/1/1016)

² Chương 16, TPP

I. CHÍNH SÁCH CẠNH TRANH TRONG TPP VÀ TÁC ĐỘNG ĐẾN NHU CẦU NỘI LUẬT HÓA LUẬT CẠNH TRANH CỦA VIỆT NAM

Trong những năm gần đây, chính sách cạnh tranh luôn được xem như là một nội dung quan trọng được đề cập trong các FTAs “*thế hệ mới*”. Theo số liệu của Diễn đàn về Thương mại và Phát triển của Liên Hợp quốc (UNCTAD), trong số khoảng 300 hiệp định thương mại song phương và khu vực thì có trên 100 Hiệp định đã đề cập đến chính sách cạnh tranh. Tuy nhiên, các nghĩa vụ trong các điều khoản về cạnh tranh của các FTAs có biên độ khác biệt khá lớn. Một vài FTAs đơn giản chỉ yêu cầu các quốc gia thành viên “*nỗ lực hết sức*” để thông qua, duy trì và áp dụng luật cạnh tranh. Ngôn ngữ được sử dụng trong một số FTAs khác cũng có thể có tính ràng buộc cao hơn về mặt pháp lý. Dù thế nào đi chăng nữa, các nội dung thỏa thuận có thể bao gồm việc áp dụng các nguyên tắc không phân biệt đối xử, có một quy trình tố tụng đúng đắn, minh bạch trong quá trình thực thi luật cạnh tranh, hợp tác và hỗ trợ giữa các cơ quan thực thi luật cạnh tranh.v.v.

Mục tiêu của việc đề cập đến chính sách cạnh tranh trong FTAs là tạo lập và đảm bảo khuôn khổ cạnh tranh bình đẳng trong khu vực thương mại tự do, đảm bảo cho các lợi ích của tự do hóa thương mại và đầu tư không bị vô hiệu hóa bởi những hành vi phản cạnh tranh xuyên biên giới, và các rào cản thương mại do nhà nước đặt ra không bị thay thế bằng các hành vi hạn chế cạnh tranh tư nhân (*chẳng hạn như các thỏa thuận phân chia thị trường hay ấn định giá, hoặc các thủ đoạn đóng cửa và loại trừ đối thủ cạnh tranh khỏi thị trường*). Các nước thành viên có nghĩa vụ áp dụng luật cạnh tranh đối với *tất cả các hoạt động thương mại trên lãnh thổ nước mình, dựa trên các nguyên tắc: minh bạch, công bằng trong thủ tục tố tụng và không phân biệt đối xử*. Tuy nhiên, các thành viên TPP có thể cho phép một số trường hợp *miễn trừ* trong quá trình áp dụng luật cạnh tranh quốc gia khi thực hiện mục tiêu chính sách hoặc vì lợi ích công.

1. Một số nguyên tắc trong chính sách cạnh tranh của TPP

Thứ nhất, nguyên tắc không phân biệt đối xử, theo đó các quốc gia thành viên TPP phải đối xử công bằng giữa các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân của các quốc gia thành viên TPP như nhau trong việc áp dụng luật cạnh tranh quốc gia.³

Thứ hai, Các nước thành viên phải nêu cao nguyên tắc trung lập về cạnh tranh trong đối xử với các doanh nghiệp có vốn nhà nước, các doanh nghiệp độc quyền/thống lĩnh thị trường của nhà nước với các doanh nghiệp có vốn ngoài nhà nước. Nguyên tắc trung lập về cạnh tranh có thể được hiểu là một cơ chế điều tiết (i) trong đó các doanh nghiệp nhà nước và tư nhân cũng chịu sự điều chỉnh như nhau của một tập hợp các quy tắc và điều khoản; và (ii) không mối liên hệ nào với Nhà nước có thể mang lại lợi thế cạnh tranh cho

³ Điều 16.1.3 TPP

một hay nhiều doanh nghiệp so với các bên tham gia thị trường khác. (OECD, *Các doanh nghiệp Nhà nước và Nguyên tắc trung lập về cạnh tranh*, DAF/COMP(2009)37). Liên quan đến luật và chính sách cạnh tranh, nguyên tắc này có thể được hiểu theo nghĩa hẹp là các nguyên tắc cạnh tranh phải được áp dụng ngang bằng với cả doanh nghiệp tư nhân và nhà nước, với rất ít ngoại lệ. Trong FTA Singapore – Hoa Kỳ, điều được đặc biệt chú ý là ‘Singapore sẽ ban hành một khung pháp lý chung về cạnh tranh muộn nhất vào tháng 1 năm 2005, và sẽ không loại trừ doanh nghiệp nào khỏi sự điều chỉnh của cơ chế pháp lý đó với tư cách là các doanh nghiệp chính phủ’. (Chú thích cuối trang đầu tiên của chương 12 FTA Singapore – Hoa Kỳ về Các hành vi Kinh doanh phản cạnh tranh, các doanh nghiệp độc quyền được chỉ định, và các doanh nghiệp nhà nước).⁴

Thứ ba, nguyên tắc minh bạch, đây là một trong những nguyên tắc quan trọng trong các FTAs nói chung và TPP nói riêng. TPP khuyến khích các quốc gia càng minh bạch trong thực thi chính sách cạnh tranh càng tốt. Các quốc gia thành viên có quyền yêu cầu quốc gia thành viên khác cung cấp các thông tin như: (i) Chính sách và hoạt động thực thi luật cạnh tranh; (ii) các trường hợp miễn trừ và loại trừ áp dụng LCT quốc gia, với điều kiện yêu cầu ghi rõ thị trường và hàng hóa có dịch vụ có liên quan và các thông tin cho thấy việc miễn trừ, loại trừ đó có tác động đến đầu tư và thương mại giữa các bên như thế nào?.

Thứ tư, Nguyên tắc công bằng trong thủ tục tố tụng, đối tượng điều chỉnh của LCT Việt Nam là: Tổ chức, cá nhân kinh doanh (sau đây gọi chung là doanh nghiệp) bao gồm cả doanh nghiệp sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích, doanh nghiệp hoạt động trong các ngành, lĩnh vực thuộc độc quyền nhà nước và doanh nghiệp nước ngoài hoạt động ở Việt Nam. Theo đó, LCT điều chỉnh các hoạt động của doanh nghiệp đang hoạt động (*tham gia kinh doanh*) ở thị trường Việt Nam, không phân biệt doanh nghiệp trong nước hay doanh nghiệp nước ngoài, nếu doanh nghiệp đó bị thiệt hại do hành vi phản cạnh tranh của doanh nghiệp khác thì được quyền bảo vệ theo LCT và nếu vi phạm thì bị điều tra và xử lý theo thủ tục TTCT.

Nhìn chung, luật cạnh tranh 2004 của Việt Nam đã đáp ứng đầy đủ các nguyên tắc nêu trên của TPP, không có sự phân biệt đối xử giữa các doanh nghiệp có quốc tịch khác nhau, tính minh bạch cũng đã được luật quy định ở mức độ nhất định, không có sự đối xử bất công giữa doanh nghiệp quốc tịch khác nhau hay các hình thức sở hữu của doanh nghiệp trong thủ tục tố tụng.v.v... Tuy nhiên, thực tế việc thực thi các nguyên tắc này ở Việt Nam vẫn còn nhiều vấn đề cần phải quan tâm.

⁴ Alice Pham, Hiệp định Đối tác Chiến lược xuyên Thái Bình Dương (TPP): Chương về Chính sách Cạnh tranh CUTS Hanoi, 5/2013

2. Ban hành Luật và cơ quan thực thi luật cạnh tranh

Mục đích ban hành và thực thi chính sách cạnh tranh của các thành viên TPP:

Khi duy trì, ban hành luật và chính sách cạnh tranh quốc gia, các thành viên nhằm mục tiêu thúc đẩy hiệu quả kinh tế và phúc lợi cho khách hàng, và hành động thực thi phù hợp với mục tiêu đó. Khi ban hành hoặc duy trì luật và chính sách cạnh tranh, các quốc gia thành viên phải xem xét đến các quy tắc APEC để nâng cao cạnh tranh và cải cách thể chế được ký tại Auckland, ngày 13 tháng 9 năm 1999⁵: (i) *Nguyên tắc cùng có lợi*, "Việc hợp tác trong APEC dựa trên nguyên tắc cùng có lợi, có tính đến sự khác biệt trong các giai đoạn phát triển kinh tế trong các hệ thống chính trị - xã hội, và chú ý đầy đủ đến các nhu cầu của những nền kinh tế đang phát triển"; (ii) *Nguyên tắc đồng thuận (consensus)*, cam kết về sự đối thoại cởi mở và xây dựng sự đồng thuận, bình đẳng, tôn trọng quan điểm của tất cả thành viên tham gia"; và (iii) *Nguyên tắc tự nguyện*.⁶

Trong Tuyên bố chung tại Seoul năm 1991, các Bộ trưởng đã ghi nhận rằng: "*Một trong những nguyên tắc cơ bản của APEC là tạo ra ảnh hưởng mạnh mẽ, tích cực tới sự tiến triển của hệ thống thương mại toàn cầu, và khả năng của APEC để thực hiện điều đó sẽ được tăng cường mạnh mẽ qua việc tự mình làm một hình mẫu tích cực. Việc theo đuổi tự do hóa thương mại trong APEC phù hợp với cơ sở của GATT/WTO và không làm tổn hại tới các nước khác sẽ tạo ra sự hỗ trợ mạnh mẽ cho hệ thống thương mại toàn cầu...*".

Phạm vi lãnh thổ trong chính sách cạnh tranh của TPP:

Hầu hết các nước đều coi luật cạnh tranh là luật "trật tự kinh tế công cộng" và giới hạn phạm vi áp dụng của luật cạnh tranh theo nguyên tắc luật cạnh tranh chỉ áp dụng đối với các hành vi được thực hiện và gây tác động đến thị trường trên lãnh thổ của quốc gia đó. Như vậy, các hoạt động liên quan đến xuất khẩu sẽ không thuộc phạm vi áp dụng của luật cạnh tranh, vì nó tác động đến thị trường của nước ngoài. Ngay cả thông lệ tư pháp quốc tế cũng cho rằng khi có xung đột pháp luật về cạnh tranh không lãnh mạnh thì áp dụng hệ thuộc luật của nước nơi mà thị trường bị tác động bởi hành vi cạnh tranh không lãnh mạnh.

Tuy nhiên, nguyên tắc ngoài lãnh thổ đã có một lịch sử phát triển khá lâu dài và hiện nay được các quốc gia TPP thừa nhận, theo đó pháp luật của quốc gia có thể điều chỉnh hành vi phản cạnh tranh ở ngoài lãnh thổ quốc gia. Quốc gia tiên phong thực hiện nguyên tắc này là Hoa Kỳ.⁷ Cho dù trước khi được chấp nhận rộng rãi bởi cộng đồng quốc tế, trong tiến trình lịch sử của mình, nguyên tắc ngoài lãnh thổ đối mặt với sự phản

⁵ Điều 16.1.1 TPP

⁶ Tuyên bố Xê-un của Hội nghị Bộ trưởng lần thứ ba năm 1991

⁷ Đạo luật cạnh tranh *Sherman Act (1890)*, quy định rằng mọi hành vi giao kết, thỏa thuận hay cấu kết nào ảnh hưởng đến thương mại giữa các tiểu bang hay với nước ngoài đều là bất hợp pháp. *Clayton Act (1914)* và *Federal Trade Commission Act (1914)*, đều thừa nhận vấn đề liên quan đến thương mại với nước ngoài khi xem xét đến hành vi hạn chế cạnh tranh

kháng gay gắt của các quốc gia, điển hình là Anh Quốc. Hiện tại, thực tiễn thừa nhận và áp dụng nguyên tắc ngoại lãnh thổ là khác nhau giữa các quốc gia. Các nước đang phát triển có cách tiếp cận nguyên tắc kém chủ động hơn các nước phát triển, trong khi đó, Hoa Kỳ và EU luôn khẳng định nguyên tắc ngoại lãnh thổ bởi vai trò lịch sử của mình. Ngoài ra, nguyên tắc ngoại lãnh thổ còn được tìm thấy trong các Hiệp định hợp tác cạnh tranh được ký kết giữa các quốc gia theo dạng Hiệp định nhằm mở rộng thẩm quyền. Khi đó, quốc gia là thành viên của Hiệp định có quyền mở rộng thẩm quyền đối với việc thực thi pháp luật cạnh tranh của mình đến lãnh thổ quốc gia khác.

Ví dụ: *United States v. Aluminum Co. of America (Alcoa 1945)*: sự ra đời nguyên tắc ngoại lãnh thổ:

Chính quyền Hoa Kỳ khởi kiện *Alcoa* về hành vi lạm dụng vị trí độc quyền trong sản xuất và kinh doanh nhôm, bằng cách thiết lập các-ten với các công ty nước ngoài thông qua công ty con của nó là *Alumium Limited (Limited)* đang hoạt động thương mại ở Canada. Và cho rằng, hành vi này đã ảnh hưởng đến hoạt động nhập khẩu của Hoa Kỳ (hoạt động thương mại giữa Hoa Kỳ với nước ngoài theo quy định tại Điều 1, *Sherman Act*). Tòa án cho rằng *Alcoa* đã chấm dứt mối quan hệ với *Limited* từ năm 1935, do đó, vấn đề ở đây là xem xét liệu *Limited* có vi phạm *Sherman Act* hay không do hành vi thiết lập các-ten của nó. Bởi vì, *Limited* đang hoạt động kinh doanh ở nước ngoài nên việc xem xét hành vi đó có nằm trong phạm vi điều chỉnh của *Sherman Act* hay không là vấn đề mới mẻ. Thẩm phán *Learned Hand*, khi thụ lý vụ việc, đã xem xét đến những quy định của Hiến pháp Hoa Kỳ liệu có những quy định cho phép mở rộng thẩm quyền ngoại lãnh thổ hay không, và ông đã kết luận: "...quốc gia có quyền quy kết trách nhiệm pháp lý cho những hành vi mặc dù chúng được thực hiện ở nước ngoài nhưng ảnh hưởng đến quốc gia, và thẩm quyền này, nói chung, sẽ được quốc gia khác công nhận...". Kết luận của *Learned Hand* làm phát sinh một nguyên tắc mới về thẩm quyền thực thi pháp luật cạnh tranh, nguyên tắc ngoại lãnh thổ hay học thuyết ảnh hưởng, đối với hành vi tuy được thực hiện ở nước ngoài nhưng có ảnh hưởng đến thương mại Hoa Kỳ. Thẩm phán *Learned Hand* cũng nhấn mạnh rằng: "...Đạo luật Sherman sẽ không điều chỉnh các thỏa thuận hạn chế cạnh tranh mặc dù nó ảnh hưởng đến xuất khẩu và nhập khẩu của Hoa Kỳ, trừ khi hoạt động đó có ảnh hưởng thực sự đến hoạt động xuất nhập khẩu..."

Trong TPP, Phạm vi điều chỉnh của luật cạnh tranh được các quốc gia áp dụng vào tất cả các hoạt động thương mại của chính mình.⁸ Tuy nhiên, một quốc gia thành viên có thể áp dụng luật cạnh tranh của mình để điều chỉnh các hoạt động thương mại diễn ra bên

⁸ Điều 16.1, TPP

ngoài lãnh thổ của mình nơi có những ảnh hưởng chống cạnh tranh.⁹Theo nghĩa đó, nguyên tắc điều chỉnh phạm vi ngoài lãnh thổ của Hoa Kỳ đã được áp dụng.

Tuy nhiên, theo quy định của luật cạnh tranh 2004, phạm vi điều chỉnh của luật cạnh tranh chỉ áp dụng cho các đối tượng là doanh nghiệp và hiệp hội ngành nghề **hoạt động tại Việt Nam**. Do vậy, nếu có hành vi phản cạnh tranh ở nước ngoài mà gây thiệt hại cho các doanh nghiệp, người tiêu dùng hoặc nhà nước Việt Nam thì chúng ta không thể áp dụng luật cạnh tranh để giải quyết theo tinh thần của Hiệp định TPP.

Cơ quan thực thi cạnh tranh:

Đối với mô hình tổ chức hoạt động của cơ quan quản lý cạnh tranh, hiệp định TPP quy định: Mỗi Bên sẽ duy trì một hoặc nhiều cơ quan thẩm quyền chịu trách nhiệm thực thi luật cạnh tranh quốc gia (cơ quan thực thi cạnh tranh)¹⁰. Theo đó, tùy vào từng quốc gia, căn cứ vào nhu cầu mà tổ chức mô hình cơ quan quản lý cạnh tranh cho phù hợp, có thể một hoặc nhiều cơ quan. Thực tế mô hình cơ quan quản lý cạnh tranh một số nước trong TPP quy định có khác nhau, những quốc gia có một cơ quan quản lý cạnh tranh bao gồm: Việt Nam (Cục QLCT, thuộc Bộ Công thương); Singapore (Cơ quan cạnh tranh Singapore); Canada (Cục cạnh tranh); Australia (Ủy ban Cạnh tranh và Người tiêu dùng); Nhật Bản (Ủy ban Thương mại lành mạnh Nhật Bản).v.v...Trong khi đó Hoa Kỳ lại có hai cơ quan quản lý cạnh tranh bao gồm: (i) Ủy ban Thương mại liên bang Hoa Kỳ (*Ngăn chặn hành vi kinh doanh phản cạnh tranh hoặc gây bất lợi đối với người tiêu dùng; Tăng cường quyền lựa chọn của người tiêu dùng và nhận thức của công chúng về cạnh tranh*); và (ii) Cục Chống độc quyền của Bộ Tư pháp (Cục Chống độc quyền có chức năng đẩy mạnh cạnh tranh kinh tế thông qua việc thi hành và hướng dẫn thi hành Luật Chống độc quyền và các quy định liên quan).

Mặc dù hình thức tổ chức cơ quan QLCT là thẩm quyền của mỗi quốc gia thành viên. Tuy nhiên, nguyên tắc hoạt động của các cơ quan này là không được phân biệt đối xử giữa các doanh nghiệp ở các quốc gia. Trong đó bao gồm tuân thủ: (i) Quy chế Tối huệ quốc (MFN), tức là quốc gia thành viên không được phân biệt đối xử giữa các doanh nghiệp của các thành viên khác trong TPP (*Ví dụ: cơ quan quản lý cạnh tranh của Việt Nam khi quản lý, thụ lý và giải quyết vụ việc cạnh tranh thì không được phân biệt đối xử, hay ưu đãi doanh nghiệp của Hoa Kỳ hơn doanh nghiệp của Nhật Bản và các thành viên TPP khác*); (ii) Quy chế đãi ngộ quốc gia (NT), trong trường hợp này thì không được phân biệt đối xử giữa doanh nghiệp trong nước với doanh nghiệp của các quốc gia thành viên khác. (*Ví dụ: cơ quan quản lý cạnh tranh Việt Nam không được ưu ái doanh nghiệp VN hơn các DN có quốc tịch nước ngoài trong việc giải quyết và xử lý vụ việc cạnh tranh*).

⁹ Chú thích 2, điều 16.1.1, TPP

¹⁰ Điều 16.1.3 TPP

Tuy nhiên một thực tế ở Việt Nam là, Bộ Công thương là cơ quan thực thi pháp luật về cạnh tranh (điều tra, ra quyết định xử lý). Trong khi đó, hàng loạt doanh nghiệp độc quyền (Tập đoàn điện lực), thống lĩnh thị trường xăng dầu (Petrolimex) thì lại thuộc “con đẻ” của Bộ này cũng như các doanh nghiệp thuộc quản lý của các Bộ khác thì liệu cơ quan quản lý cạnh tranh có dám ra tay xử lý không?. Vì thế, một số chuyên gia cho rằng cơ quan thực thi cạnh tranh cần phải là một cơ quan độc lập.

3. Thủ tục công bằng trong thực thi pháp luật cạnh tranh

Khi thực thi luật cạnh tranh quốc gia, Hiệp định TPP đòi hỏi cơ quan cạnh tranh của các quốc gia thành viên TPP phải công bằng và thực hiện đúng trình tự thủ tục trong việc thực thi luật cạnh tranh chống độc quyền đảm bảo các bên tham gia được có các quyền như quyền như: (i) Trước khi bị áp dụng xử phạt theo luật cạnh tranh, người đó phải được cung cấp: Những thông tin quan ngại của cơ quan thực thi cạnh tranh, được mời Luật sư đại diện/bảo vệ quyền lợi; trình bày quan điểm và cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền lợi của họ.¹¹v.v...Liên quan đến nội dung này, luật cạnh tranh Việt Nam 2004 quy định các quyền của bên bị điều tra: Đưa ra tài liệu, đồ vật; được biết về tài liệu, đồ vật mà bên khiếu nại hoặc cơ quan quản lý cạnh tranh đưa ra; Tham gia phiên điều trần; Ủy quyền cho luật sư tham gia tố tụng cạnh tranh.¹²v.v...; (ii) Ban hành và quyết định duy trì xử phạt phải căn cứ theo pháp luật hiện hành của quốc gia đó. Nếu pháp luật của quốc gia đó không quy định thời gian thì cơ quan quản lý cạnh tranh của quốc gia đó phải nỗ lực thực hiện trong một khoảng thời gian hợp lý¹³. Thời gian điều tra theo quy định của LCT 2004 là 30 ngày đối với điều tra sơ bộ và 90 ngày (*vụ việc cạnh tranh không lành mạnh*) hoặc 180 ngày (*lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường/độc quyền*) đối với điều tra chính thức. Thời hạn điều tra chính thức có thể được gia hạn.¹⁴Tuy nhiên, theo một số chuyên gia cho rằng thời hạn điều tra theo quy định của LCT là cần phải rút ngắn hơn nữa; (iii) Các bên thông qua hoặc duy trì những qui tắc thủ tục và bằng chứng áp dụng cho các thủ tục tố tụng liên quan đến những vi phạm bị cáo buộc về luật cạnh tranh quốc gia và xác định lệnh trừng phạt và các biện pháp. Những qui tắc này bao gồm thủ tục đưa ra bằng chứng, bao gồm bằng chứng của chuyên gia nếu áp dụng, và áp dụng bình đẳng cho tất cả các bên tham gia tố tụng.¹⁵ LCT của Việt Nam chỉ quy định các bên liên quan có quyền cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền lợi của họ, nhưng không quy định về trình tự, thủ tục và thời hạn cung cấp chứng cứ; (iv) Mỗi Bên phải cho phép các cơ

¹¹ Điều 16.2.1. TPP

¹² Điều 66.1 Luật cạnh tranh 2004

¹³ Điều 16.2.2. TPP

¹⁴ Điều 87 & 90 LCT 2004

¹⁵ Điều 16.2.3 TPP

quan thực thi cạnh tranh giải quyết những sai phạm bị cáo buộc một cách tự nguyện với sự chấp thuận của cơ quan thẩm quyền và người chịu biện pháp thực thi; (v) Nếu cơ quan thực thi cạnh tranh của một Bên đưa ra một công báo tiết lộ sự hiện hữu của một cuộc điều tra đang đang diễn tiến, cơ quan đó phải tránh ngụ ý trong thông báo đó rằng người được dẫn chiếu trong thông báo đã tham gia vào hành vi bị cáo buộc đó hoặc đã vi phạm luật cạnh tranh quốc gia của Bên đó; (vi) Nếu cơ quan thực thi cạnh tranh quốc gia của một Bên cáo buộc một vi phạm về luật cạnh tranh quốc gia, cơ quan đó phải chịu trách nhiệm thiết lập cơ sở pháp lý và thực tế cho vi phạm bị cáo buộc đó trong thủ tục thực thi⁵; (vii) Mỗi Bên phải qui định việc bảo vệ thông tin bí mật kinh doanh và các thông tin khác được coi là bí mật theo luật của mình, thu được bởi các cơ quan thực thi cạnh tranh quốc gia trong suốt quá trình điều tra. Nếu cơ quan thực thi cạnh tranh của một Bên sử dụng hoặc có ý định sử dụng thông tin đó trong thủ tục thực thi, Bên đó phải, nếu phù hợp và được phép theo luật của mình, cung cấp thủ tục cho phép người đang bị điều tra tiếp cận kịp thời thông tin cần thiết để chuẩn bị kế hoạch bảo vệ thích đáng trước những cáo buộc của cơ quan thực thi cạnh tranh quốc gia; (viii) Mỗi Bên phải đảm bảo rằng các cơ quan thực thi cạnh tranh của mình phải cung cấp cho người đang bị điều tra về khả năng vi phạm luật cạnh tranh quốc gia của Bên mình cơ hội hợp lý để tham vấn với các cơ quan thực thi cạnh tranh về những vấn đề pháp lý, thực tế hoặc mang tính thủ tục phát sinh trong suốt quá trình điều tra.

4. Quyền khởi kiện cá nhân.¹⁶

Quyền khởi kiện cá nhân được quy định tại điều 16.3 TPP (quyền hành động riêng). Theo đó, quyền đòi bồi thường thiệt hại của một người bao gồm các biện pháp cưỡng chế, tiền tệ hoặc biện pháp khác, từ Tòa án đối với hành vi phản cạnh tranh gây ra thiệt hại cho người khác. Việc yêu cầu này có thể được thực hiện trước hoặc sau khi cơ quan quản lý cạnh tranh xử lý vi phạm.

Các quốc gia thành viên TPP có trách nhiệm thông qua (đối với quốc gia nào chưa quy định) hoặc duy trì (đối với quốc gia nào đã có) cho phép một người có quyền: (i) Yêu cầu cơ quan quản lý cạnh tranh quốc gia khởi xướng điều tra hành vi vi phạm luật cạnh tranh; và (ii) đòi bồi thường từ Tòa án sau khi cơ quan quản lý cạnh tranh phát hiện vi phạm.

Việc các quốc gia áp dụng chính sách quyền khởi kiện cho các doanh nghiệp trong nước không được phân biệt đối xử so với doanh nghiệp của các thành viên khác.

¹⁶ Điều này có nghĩa là bất kỳ cá nhân nào mà công việc kinh doanh hay tài sản bị tổn hại bởi các hành vi phản cạnh tranh hay các hành vi khác bị luật cạnh tranh cấm (ví dụ các hành vi hạn chế cạnh tranh) có thể khởi kiện ra tòa án liên quan để được đền bù thiệt hại. Quyền khởi kiện của cá nhân theo luật cạnh tranh đã có 1 quá trình phát triển lâu dài tại Hoa Kỳ, khởi đầu bằng Đạo luật Sherman 1890.

Liên quan đến quyền khởi kiện riêng được quy định tại điều 16.3 của TPP, pháp luật về cạnh tranh của Việt Nam quy định các cá nhân, doanh nghiệp đang hoạt động tại Việt Nam (điều 2 LCT) nếu cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm hại do hành vi vi phạm quy định của Luật cạnh tranh thì có quyền khiếu nại đến cơ quan quản lý cạnh tranh.¹⁷ Đối với trường hợp yêu cầu bồi thường thiệt hại thì khi doanh nghiệp hoặc cá nhân kinh doanh bị thiệt hại do hành vi phản cạnh tranh gây ra thì có quyền khởi kiện ra Tòa án để yêu cầu bồi thường thiệt hại theo thủ tục tố tụng dân sự.

5. Bảo vệ người tiêu dùng

Bảo vệ người tiêu dùng xuyên biên giới cũng là một nội dung quan trọng trong chính sách cạnh tranh của TPP, đây là một nội dung được đề cập trong rất nhiều trong các hiệp định FTA thế hệ mới. Mục đích của bảo vệ người tiêu dùng là tạo ra các sản phẩm hiệu quả và cạnh tranh đồng thời nâng cao phúc lợi cho khách hàng trong khu vực FTA. Những hoạt động thương mại gây tổn hại cho khách hàng hoặc đe dọa gây ra tổn hại cho khách hàng: (a) hoạt động trình bày sai lệch dữ kiện bao gồm những sai lệch dữ kiện được ngụ ý gây tổn hại đáng kể đến lợi ích kinh tế của khách hàng; (b) không giao sản phẩm hoặc cung cấp dịch vụ cho khách hàng sau khi đã được thanh toán; hoặc (c) hoạt động thu hoặc rút tiền từ tài khoản tài chính, điện thoại hoặc tài khoản khác của khách hàng mà không được phép.¹⁸

Phạm vi của bảo vệ người tiêu dùng trong TPP là người tiêu dùng của các quốc gia thành viên TPP. Các quốc gia thành viên phải thông qua hoặc duy trì luật bảo vệ khách hàng hoặc các luật khác hoặc những qui định về các hoạt động thương mại gian dối.

Liên quan đến pháp luật bảo vệ người tiêu dùng, Việt Nam đã ban hành luật BVQLNTD 2010, theo đó đối tượng điều chỉnh là người tiêu dùng, nhà sản xuất, doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân có liên quan đến BVQLNTD trên lãnh thổ Việt Nam.¹⁹ Phạm vi điều chỉnh của luật BVQL NTD này quy định về quyền và nghĩa vụ của người tiêu dùng; trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ đối với người tiêu dùng; trách nhiệm của tổ chức xã hội trong việc tham gia bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; giải quyết tranh chấp giữa người tiêu dùng và tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ; trách nhiệm quản lý nhà nước về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

Như vậy, pháp luật về bảo vệ quyền lợi NTD của VN chỉ điều chỉnh các quan hệ bảo vệ NTD trên lãnh thổ Việt Nam, những trường hợp người tiêu dùng ngoài lãnh thổ Việt Nam cần được bảo vệ thì pháp luật Việt Nam chưa điều chỉnh. Ví dụ: Một công dân

¹⁷ Điều 58.1 LCT

¹⁸ Điều 16.6.2 TPP

¹⁹ Điều 2 luật BVNTD 2010

Nhật Bản sử dụng sản phẩm Tôm xuất khẩu từ Việt Nam bị kém chất lượng, NTD ở Nhật Bản muốn khiếu nại nhà sản xuất nhưng pháp luật BVQL NTD Việt Nam thì lại không điều chỉnh đối tượng này. Cũng vì lý do đó mà TPP đã quy định buộc các quốc gia phải thông qua hoặc duy trì luật để bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng xuyên biên giới.

Tuy nhiên, để thực sự bảo đảm được quyền lợi người tiêu dùng, pháp luật cần phải hoàn thiện hơn nữa. Chúng ta có thể so sánh pháp luật về bảo vệ NTD ở Hoa Kỳ: Các nhà sản xuất tại Hoa Kỳ đều biết rằng Hoa Kỳ có rất nhiều luật để bảo vệ người tiêu dùng. Những luật này được áp dụng cho gần như mọi sản phẩm sản xuất, phân phối hay bán trên thị trường này. Các nguồn luật bảo vệ người tiêu dùng bao gồm các luật của liên bang và các bang, án lệ. Theo thông luật bảo vệ người tiêu dùng (Common Law Consumer Protection) hay còn gọi là Luật về trách nhiệm đối với sản phẩm (Products Liability Law), cơ quan luật pháp Hoa Kỳ yêu cầu các nhà sản xuất, phân phối và bán lẻ phải có trách nhiệm đối với khuyết tật và thiệt hại do những khuyết tật của sản phẩm gây ra cho người sử dụng hoặc những người liên quan đến sản phẩm đó. Trách nhiệm sản phẩm thường dựa trên các nguyên tắc “*trách nhiệm tuyệt đối*”, nhà sản xuất, phân phối hay bán lẻ có thể phải chịu trách nhiệm đối với những thương tật do khuyết tật của sản phẩm gây ra, bất kể đã áp dụng các biện pháp đề phòng. Nói chung, khi nói đến trách nhiệm sản phẩm, người ta phân thành 3 loại khuyết tật:

- (i) Khuyết tật sản xuất (khi sản phẩm sai lệch với thiết kế gốc mặc dù đã thực hiện tất cả những biện pháp cần trọng trong quá trình sản xuất và marketing);
- (ii) Lỗi thiết kế (khi thiệt hại do sản phẩm gây ra có thể tránh hoặc được giảm nhẹ bằng một mẫu thiết kế hợp lý khác);
- (iii) Lỗi cảnh báo không đầy đủ (khi thiệt hại nhẽ ra có thể tránh hoặc giảm nhẹ bằng việc sử dụng những chỉ dẫn hay cảnh báo phù hợp).

Mặc dù đây là những cách thông thường nhất để quyết định có hay không khuyết tật sản phẩm, song luật của các bang có thể khác nhau trong việc quyết định khuyết tật sản phẩm.

Bên cạnh luật bảo vệ người tiêu dùng, Hoa Kỳ còn ban hành luật điều chỉnh ở hầu hết các lĩnh vực, ở cấp liên bang, các bang, ví dụ như: Luật liên bang về các chất nguy hiểm (Federal Hazardous Substances Act); Luật về vải dễ cháy (Flammable Fabrics Act); Luật về an toàn tủ lạnh gia đình (Household Refrigerator Safety Act); Luật về đóng gói phòng ngộ độc (Poison Prevention Packaging Act); Luật kiểm soát chất độc.v.v...

6. Miễn trừ

Miễn trừ trong chính sách cạnh tranh của quốc gia là nhằm mục đích bảo hộ, khuyến khích phát triển một ngành, lĩnh vực nào đó. TPP cho phép các quốc gia thành viên được phép miễn trừ một, một số lĩnh vực, ngành nghề vì mục đích chung. Tuy

nhiên, việc miễn trừ không được phân biệt đối xử và phải minh bạch, phải giải trình khi có yêu cầu của các quốc gia thành viên khác của TPP.

Hình thức miễn trừ thực thi luật cạnh tranh không chỉ có ở Việt Nam, mà hầu hết các quốc gia thành viên TPP đều có quy định những trường hợp được miễn trừ. Cụ thể như:

(i) *Miễn trừ theo Luật Cạnh tranh New Zealand*: Dược phẩm và trợ cấp dược phẩm²⁰; Các thỏa thuận xuất khẩu– “thỏa thuận xuất khẩu” mà liên quan trực tiếp đến việc xuất khẩu hàng hoá từ New Zealand, hoặc trực tiếp cho việc cung cấp dịch vụ hoàn toàn bên ngoài New Zealand được miễn trừ theo Đạo luật Thương mại²¹; Những sản phẩm nông nghiệp – Miễn trừ từ Phần II của Luật Thương mại (hành vi hạn chế cạnh tranh) được quy định trong Đạo luật về sản phẩm từ thịt năm 2004 và Đạo luật công nghiệp về sản phẩm từ thịt heo năm 1997. Những miễn trừ này liên quan đến việc thỏa thuận để thiết lập các khoản thu từ Hội đồng nhằm mục đích tài trợ cho những hoạt động công nghiệp (industry-good activities) của New Zealand như xúc tiến thị trường và nghiên cứu.v.v...

(ii) *Miễn trừ theo LCT của Singapore*: Cung cấp các sản phẩm về thư từ thông thường và dịch vụ bưu thiếp bởi những doanh nghiệp được cấp phép và được quy định cụ thể; Cung cấp đường ống nước sinh hoạt; Cung cấp dịch vụ quản lý nước thải, thu gom, và xử lý nước thải; Giao thông vận tải công cộng.v.v...

(iii) *Miễn trừ theo LCT của Chile*: Luật chống độc quyền của Chile (số 211, 1973) áp dụng cho tất cả các loại hàng hóa và dịch vụ mà không có bất kì ngoại lệ nào, bất kể các chủ thể là các doanh nghiệp lớn hay nhỏ trong các lĩnh vực tư nhân hay nhà nước quản lý. Mặc dù trong hiệp định P4, Chile không đưa ra bất kỳ một miễn trừ nào, tuy nhiên, trong thực tế, cũng tồn tại những ngoại lệ được tôn trọng và được duy trì bởi những quy tắc đã có từ trước trong kinh doanh như dịch vụ ngân hàng, quyền sở hữu trí tuệ và quyền sở hữu công nghiệp, sản xuất và kinh doanh iốt, đồng, dầu khí, vận tải, giao thông ven biển.v.v...

(iv) *Miễn trừ theo LCT của Canada*: Theo pháp luật hiện hành ở Canada, các quy định của Luật Cạnh tranh có ngoại lệ trong các trường hợp sau: Thỏa ước tập thể, cho phép nhân viên thành lập công đoàn hoặc các nhóm đàm phán tiền lương và các điều kiện khác của việc làm; Các hiệp hội ngư phủ thương lượng các điều khoản liên quan đến mua và chế biến cá và các hãng lữ hành thương lượng giá cả và tiền hoa hồng trả cho các chuyến bay trong nước (để chống lại vị trí độc quyền hoặc gần như độc quyền của các hãng hàng không trong nước); Bảo lãnh việc phát hành bảo hiểm và chứng khoán; Các môn thể thao nghiệp dư để tạo nên các giải đấu hoặc đội tuyển.v.v...

²⁰ Phần thứ 53 của Đạo luật Y Tế Công cộng và Người khuyết tật năm 2000 – Đạo luật này cho phép miễn trừ đối với một số thỏa thuận hạn chế cạnh tranh liên quan đến việc mua và trợ cấp thương mại, được quy định trong Luật thương mại New Zealand (phần II).

²¹Mục 44-1g, Phần II về thỏa thuận hạn chế cạnh tranh

(v) *Miễn trừ theo LCT của Hoa Kỳ*: Tại Hoa Kỳ, một báo cáo của Bộ Tư pháp công bố vào năm 1977 đã xác định 16 lĩnh vực riêng biệt được miễn khỏi luật chống độc quyền, bao gồm các hoạt động kinh tế khác nhau như nông nghiệp, năng lượng, giao thông vận tải, ngân hàng, bảo hiểm, báo chí, học nghề và bóng chày. Trong khi tổng thể “sự chấp vá” của việc miễn trừ thuế đã được công nhận là phát sinh từ “lịch sử và cơ hội chính trị”, bản báo cáo trong nhiều lĩnh vực chất vấn sự biện minh và độ tin cậy của những việc miễn trừ này. Trong hầu hết các trường hợp miễn trừ đã thấy đều có một “sự quan tâm đặc biệt ... và thường là quan tâm trực tiếp duy nhất đến quyền lợi để bảo vệ nó trước sự cạnh tranh đáng lẽ tồn tại”.

Những lĩnh vực cụ thể cho miễn trừ được quy định bởi toà án và Quốc hội, trong khi Đạo luật Sherman (1890), Đạo luật Clayton (1914) và pháp luật khác không đề cập đến. Những lĩnh vực đó bao gồm: nông nghiệp, quốc phòng, năng lượng, các hiệp hội thương mại xuất khẩu, doanh nghiệp nhà nước, bảo hiểm, lao động, ngành nghề đã học, bảo hiểm hàng hải, hoạt động chung tờ báo, duy trì giá bán lại, nhỏ mỗi quan tâm kinh doanh, thể thao, hành động của nhà nước, vận chuyển bằng đường hàng không, đường biển và đường bộ. Ngoài ra, các biện pháp khác nhau, các quy định và pháp luật cho phép sự hình thành các hiệp hội thương mại, trao đổi số liệu thống kê, phát triển tiêu chuẩn sản phẩm và hợp tác R&D (sau này thuộc Đạo luật quốc gia hợp tác nghiên cứu, 1984). Miễn giảm cũng được cấp cho các lĩnh vực được lựa chọn của quyền sở hữu trí tuệ gắn liền với các sản phẩm như bằng sáng chế, bản quyền và nhãn hiệu hàng hoá...

(vi) *Miễn trừ theo LCT của Nhật Bản*

Đạo luật chống độc quyền của Nhật Bản áp dụng cho tất cả các ngành công nghiệp. Tuy nhiên, đạo luật này cũng có những miễn trừ trong những ngành độc quyền tự nhiên hoặc những ngành công nghiệp cơ sở hạ tầng liên quan đến “đường sắt, điện, ga hoặc bất kỳ ngành kinh doanh khác tạo thành một độc quyền bởi bản chất vốn có của doanh nghiệp” (Điều 21), và quyền sở hữu trí tuệ và hợp tác xã nông nghiệp và sản phẩm tiêu dùng được điều chỉnh bởi pháp luật hoặc các quy định khác.

Thêm vào đó, cũng có những điều khoản cho phép miễn trừ các cartel trong hoạt động xuất khẩu. Nhật Bản cũng có những miễn trừ đối với một số mặt hàng mỹ phẩm hoặc dược phẩm liên quan đến các điều khoản RPM. Những miễn trừ này đòi hỏi phải thông báo và được chấp thuận bởi JFTC (Japan’s Fair Trade Commission).

Như vậy, ở hầu hết các quốc gia TPP đã được nêu trên đều có quy định những trường hợp được miễn trừ là các ngành nghề kinh doanh cụ thể, tương tự quy định tại điều 16.7.3 (b) TPP.

Vậy quy định miễn trừ trong LCT Việt Nam thì ra sao? Luật cạnh tranh ghi nhận 02 trường hợp:

Thứ nhất, miễn trừ đối với thỏa thuận hạn chế cạnh tranh bị cấm được quy định tại điều 9.2 LCT 2004. Theo đó, Các doanh nghiệp có thị phần kết hợp trên thị trường liên quan từ 30% trở lên tham gia thỏa thuận hạn chế cạnh tranh: (1) Thỏa thuận ấn định giá hàng hoá, dịch vụ một cách trực tiếp hoặc gián tiếp; (2) Thỏa thuận phân chia thị trường tiêu thụ, nguồn cung cấp hàng hoá, cung ứng dịch vụ; (3) Thỏa thuận hạn chế hoặc kiểm soát số lượng, khối lượng sản xuất, mua, bán hàng hoá, dịch vụ; (4) Thỏa thuận hạn chế phát triển kỹ thuật, công nghệ, hạn chế đầu tư; (5) Thỏa thuận áp đặt cho doanh nghiệp khác điều kiện ký kết hợp đồng mua, bán hàng hoá, dịch vụ hoặc buộc doanh nghiệp khác chấp nhận các nghĩa vụ không liên quan trực tiếp đến đối tượng của hợp đồng.²² Đối với những trường hợp các thỏa thuận hạn chế cạnh tranh bị cấm tuyệt đối được quy định tại điều 9.1 Luật cạnh tranh thì không được miễn trừ. Các trường hợp được miễn trừ phải đáp ứng các quy định tại điều 10.1.a,b,c,d,đ,e LCT.

Để đáp ứng được điều kiện miễn trừ, các thỏa thuận đó phải nhằm mục đích hạ giá thành và có lợi cho người tiêu dùng và đáp ứng được một trong các điều kiện: (a) Hợp lý hoá cơ cấu tổ chức, mô hình kinh doanh, nâng cao hiệu quả kinh doanh; (b) Thúc đẩy tiến bộ kỹ thuật, công nghệ, nâng cao chất lượng hàng hoá, dịch vụ; (c) Thúc đẩy việc áp dụng thống nhất các tiêu chuẩn chất lượng, định mức kỹ thuật của chủng loại sản phẩm; (d) Thống nhất các điều kiện kinh doanh, giao hàng, thanh toán nhưng không liên quan đến giá và các yếu tố của giá; (đ) Tăng cường sức cạnh tranh của doanh nghiệp nhỏ và vừa; (e) Tăng cường sức cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam trên thị trường quốc tế.²³

Thứ hai, khi tập trung kinh tế bị cấm theo quy định tại điều 18 LCT 2004, nếu các trường hợp tập trung đó: (i) có một hoặc nhiều bên đang nguy cơ giải thể hoặc lâm vào tình trạng phá sản. Xét ở trường hợp này, LCT đặt ra điều kiện là “nguy cơ giải thể” hoặc “lâm vào tình trạng phá sản”, hai khái niệm này khá mơ hồ, lúc nào được xem là nguy cơ giải thể, lúc nào được xem là lâm vào tình trạng phá sản, các dấu hiệu nào cho thấy là có nguy cơ giải thể và phá sản...; (ii) Việc tập trung kinh tế có tác dụng mở rộng xuất khẩu hoặc góp phần phát triển kinh tế - xã hội, tiến bộ kỹ thuật, công nghệ.²⁴ Tuy nhiên, cần phải lưu ý rằng việc miễn trừ đối với những trường hợp nêu trên là có thời hạn.

Như vậy, có thể nhận thấy sự khác biệt trong quy định về những trường hợp miễn trừ theo LCT Việt Nam với TPP và một số nước hư đã nêu trên, đó là: LCT Việt Nam quy định miễn trừ cho tất cả các loại ngành nghề, nếu những hoạt động đó đáp ứng đủ các điều kiện của luật cạnh tranh 2004, không có sự phân biệt giữa các ngành nghề, lĩnh vực hoạt động. Trong khi đó, những quốc gia khác như Hoa Kỳ, Nhật Bản, Singapore...

²² Điều 8.1,2,3,4,5 LCT 2004

²³ Điều 10 LCT 2004

²⁴ Điều 19 LCT 204

thì họ lại quy định miễn trừ trong một số lĩnh vực cụ thể, phù hợp với điều 16.7.3 (b) TPP.

7. Bảo mật thông tin trong tố tụng cạnh tranh

Trong tố tụng cạnh tranh, bảo mật thông tin là nội dung vô cùng quan trọng và được các bên trong TPP quan tâm. Quyết định xử lý vi phạm cạnh tranh phải được lập thành văn bản. Trong đó, nêu rõ các kết luận liên quan trong quá trình thụ lý, điều tra và ra quyết định, cũng như các căn cứ để ban hành quyết định xử lý hành vi phản cạnh tranh.²⁵ Những quyết định về tố tụng cạnh tranh phải được công bố công khai (Công báo). Nếu điều kiện không công bố công khai được thì phải tạo điều kiện cho công chúng có thể tiếp cận khi có người cần quan tâm.

Liên quan đến công bố thông tin, hiện nay những quyết định xử lý cạnh tranh ở Việt Nam chưa được phát hành ra công khai, cũng như quy định để người quan tâm muốn tiếp cận quyết định đó cũng chưa được luật hóa. Tuy nhiên đối với các thông tin dung để làm chứng cứ trong hồ sơ vụ kiện thì luật sư của các bên có thể tiếp cận, luật cạnh tranh chưa quy định đến bảo mật thông tin của các bên trong quá trình tố tụng.

Thế nào là thông tin mật?. Thông tin mật được hiểu là *“bất kỳ thông tin nào mang tính bảo mật (ví dụ nếu bị tiết lộ sẽ tạo thêm lợi thế cạnh tranh đáng kể cho một đối thủ cạnh tranh hoặc gây ra tác hại cho cá nhân đã cung cấp thông tin đó) hay cho một người là nguồn để nhà cung cấp có được thông tin đó), hoặc thông tin được các bên trong cuộc điều tra cung cấp trên cơ sở bảo mật phải được các cơ quan có thẩm quyền xử lý theo đúng tính chất của thông tin đó khi lý do bảo mật được thấy rõ”*²⁶.

Luật cạnh tranh không quy định rõ thế nào là bí mật quốc gia, và các bí mật khác theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, chúng ta có thể hiểu rằng đó là những bí mật đã được định nghĩa tại điều 1, Pháp lệnh về Bảo vệ bí mật nhà nước: *“Bí mật nhà nước là những tin về vụ, việc, tài liệu, vật, địa điểm, thời gian, lời nói có nội dung quan trọng thuộc lĩnh vực ...kinh tế, khoa học, công nghệ...nếu bị tiết lộ thì gây nguy hại cho nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”*. Danh mục các tài liệu mật cụ thể sẽ do các cơ quan thuộc chính phủ ban hành. Với quy định trên, chỉ những thông tin nào mà khi tiết lộ thì gây nguy hại cho nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thì sẽ được bảo mật, còn những thông tin mà khi tiết lộ sẽ gây thiệt hại cho nhà sản xuất, cho các bên liên quan thì không được xem là đối tượng được bảo mật đương nhiên, mà tùy thuộc vào quan điểm chủ quan của cơ quan điều tra.

²⁵ Điều 16.7.4 TPP

²⁶ Điều 6.5 Hiệp định Chống bán phá giá

Quy định của EU về thông tin mật là: *Bất cứ thông tin nào mà bản chất của nó mang tính mật* (ví dụ: việc tiết lộ thông tin của nó sẽ mang lại lợi thế cạnh tranh nhất định cho đối thủ hoặc có ảnh hưởng bất lợi nhất định cho người cung cấp thông tin hoặc cho người mà từ người đó bên liên quan có được thông tin), hoặc những thông tin được các bên cung cấp cho cơ quan điều tra, nếu có cơ sở thì sẽ được bảo đảm. Theo đó, các bên quan tâm cung cấp thông tin mật sẽ được yêu cầu cung cấp bản tóm tắt về thông tin phổ biến. Những tóm tắt này phải đầy đủ chi tiết để thể hiện được bản chất vấn đề của chứng cứ đưa ra. Nếu xác định rằng một yêu cầu bảo mật không được thừa nhận hoặc người cung cấp thông tin không có thiện chí để làm cho thông tin đáp ứng được điều kiện bảo mật hoặc hình thức tóm tắt có thể sẽ không được xem xét trừ phi chứng minh được từ các nguồn đa dạng rằng thông tin là đúng. Không được từ chối yêu cầu bảo mật thông tin một cách tùy tiện”.²⁷

Hoa Kỳ cũng quy định tương tự của EU: *Thông tin thương mại mật là thông tin có liên quan hoặc liên hệ tới bí mật thương mại, chế biến, kinh doanh, lịch làm việc, bộ máy, hoặc sản lượng, bán hàng, vận chuyển, mua hàng, chuyển giao, thẻ căn cước của khách hàng, hàng hoá tồn kho, hoặc số lượng hoặc nguồn gốc của bất cứ thu nhập nào, lợi nhuận, thua lỗ, hoặc tiêu dùng của bất cứ của người, đối tác, doanh nghiệp nào, hoặc của những tổ chức khác mà những thông tin đó có được, trừ phi cơ quan điều tra được pháp luật yêu cầu công bố những thông tin đó. Những “thông tin thương mại mật” không thể công bố là những thông tin mật, những thông tin chỉ được một số người sử dụng mà thôi.*²⁸

Qua đó cho thấy quy định của các quốc gia và WTO thông tin mật tức là các thông tin “có giá trị thương mại” của doanh nghiệp. Khi cung cấp hồ sơ, chứng cứ cho cơ quan điều tra, doanh nghiệp có quyền yêu cầu cơ quan điều tra thực hiện việc bảo mật thông tin theo quy định của pháp luật. Hiện nay, LCT Việt Nam chưa có quy định về chính sách bảo mật thông tin, các bên liên quan và luật sư đều có quyền tiếp cận thông tin mật của các bên vô điều kiện. Do vậy, nguy cơ bị tiết lộ thông tin thương mại có giá trị là rất lớn.

II. TÁC ĐỘNG HOẠT ĐỘNG CẠNH TRANH Ở VIỆT NAM

²⁷ Điều 29, COUNCIL REGULATION (EC) No 2026/97 of 6 October 1997 on protection against subsidized imports from countries not members of the European Community (OJ L 288, 21.10.1997)

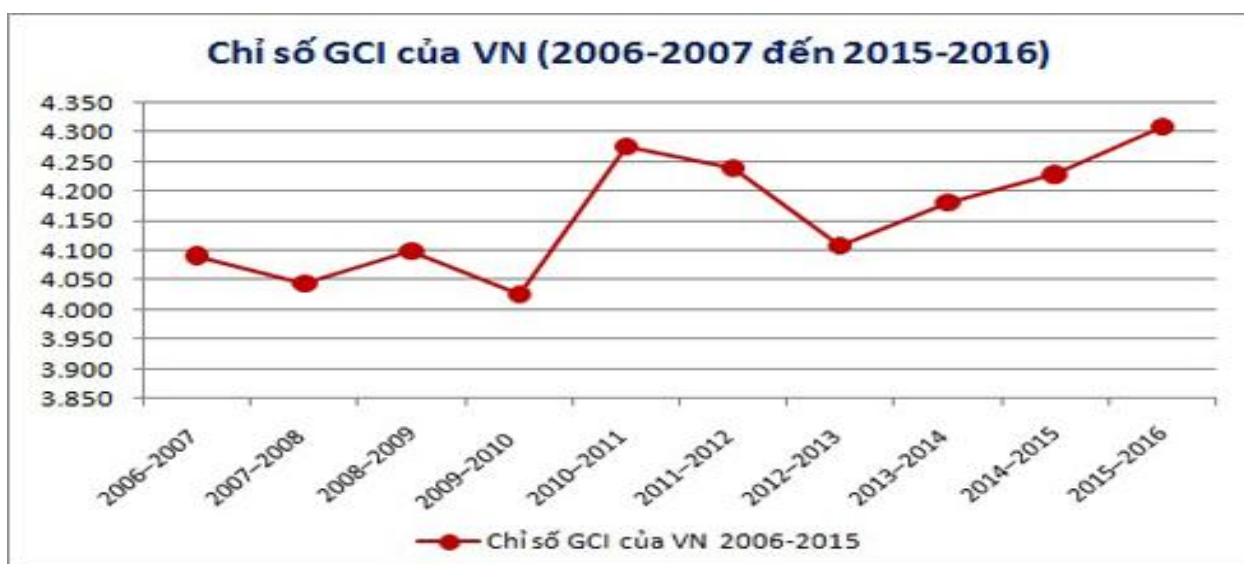
²⁸ Điều 201.6(a) Commission rule (19.C.F.R)

Chính sách cạnh tranh trong TPP đã tạo ra sự thay đổi đáng kể về chính sách cạnh tranh quốc gia và hoạt động cạnh tranh của doanh nghiệp.

8. Tác động đến năng lực cạnh tranh của quốc gia

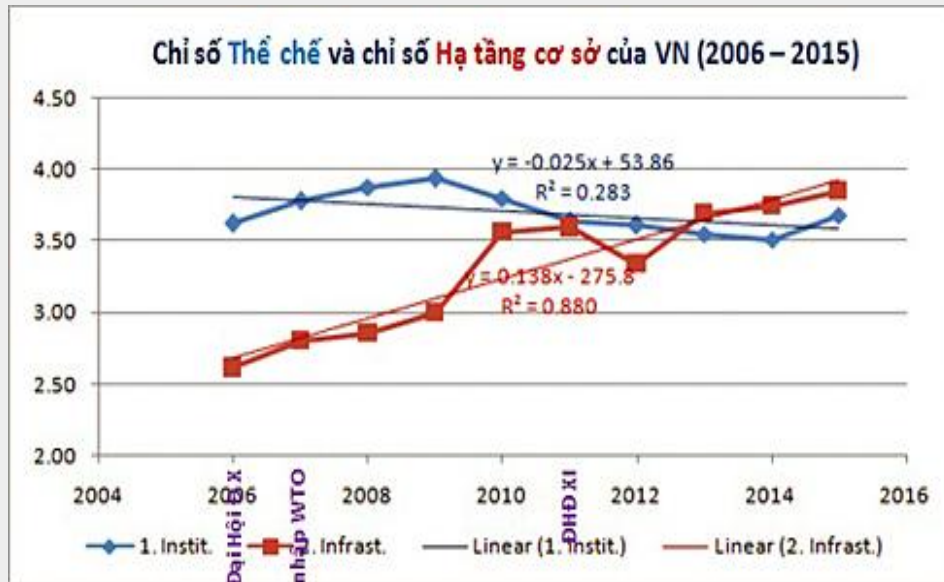
Khi nói đến cạnh tranh, người ta thường nghĩ đến vấn đề quyền và nghĩa vụ của các doanh nghiệp. Tuy nhiên, khi xét về năng lực cạnh tranh của quốc gia cao hay thấp thì không chỉ căn cứ vào năng lực quản trị của doanh nghiệp, mà còn căn cứ vào chính sách và pháp luật, thể chế của quốc gia đó.

Năng lực cạnh tranh quốc gia được thể hiện ở chỉ số năng lực cạnh tranh toàn cầu (GCI) và tính toán về thứ hạng của mỗi quốc gia. Dưới đây là có ba biểu đồ về năng lực cạnh tranh quốc gia:²⁹

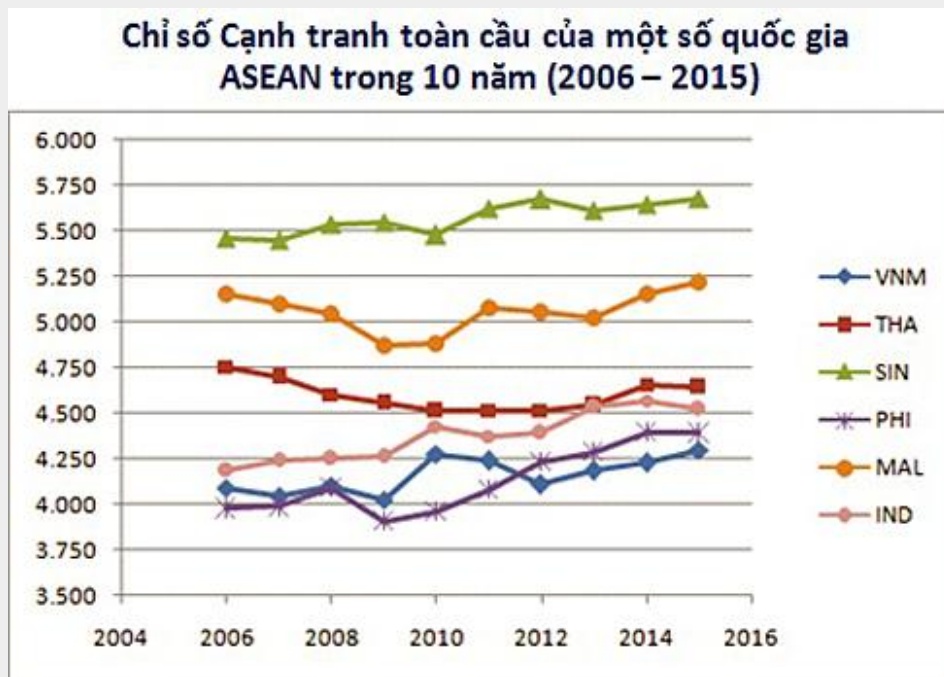


Biểu đồ A: Điểm cạnh tranh của VN giai đoạn 2006-2016

²⁹ Nguồn: <http://www.daibieunhandan.vn/default.aspx?tabid=76&NewsId=360241>



Biểu đồ B. Diễn biến của hai chỉ số, khung thể chế, và hạ tầng cơ sở của Việt Nam trong 10 năm (2006 - 2015)



Biểu đồ C. Chỉ số năng lực cạnh tranh toàn cầu của một số nước ASEAN (2006 - 2015)

Qua số liệu của các biểu đồ trên cho thấy năng lực cạnh tranh của quốc gia phụ thuộc rất nhiều vào vào thể chế. Có hai trường hợp thay đổi thể chế trong hội nhập, đó là thay đổi chủ động, khi quốc gia đó nhận thấy cần phải chủ động cải cách, thay đổi thể chế để nhằm hội nhập quốc tế (thay đổi để hội nhập) và loại thứ hai là thay đổi để nhằm đối

phó với những gì mà quốc gia đó đã cam kết trong các Hiệp định song phương và đa phương, hình thức thay đổi này được gọi là thay đổi bị động (hội nhập buộc phải thay đổi).

Theo đánh giá, nền kinh tế Việt Nam hiện nay có đặc điểm là cạnh tranh yếu và không công bằng.³⁰

Thứ nhất, việc nhà nước vẫn nắm độc quyền và ấn định giá ở những yếu tố đầu vào chính như năng lượng và đất đai đang tạo ra tín hiệu thị trường sai lệch về chi phí cơ hội của nguồn lực. Ở nhiều lĩnh vực các doanh nghiệp nhà nước vẫn có vai trò thống lĩnh và có thể dễ dàng bóp nghẹt cạnh tranh. (Ví dụ như: trường hợp Vinafood 1 và Vinafood 2 ở thị trường xuất khẩu gạo, Petrolimex ở thị trường xăng dầu.v.v...)

Thứ hai, một nguyên nhân về thể chế khác dẫn đến những yếu kém của nền kinh tế được báo cáo đề cập, là mặc dù có quyết tâm chính trị mạnh mẽ hơn để hỗ trợ doanh nghiệp tư nhân, vẫn còn nhiều hạn chế kinh doanh ở Việt Nam. Cụ thể như:

(i) Luật Đầu tư 2014 không cho phép các bộ, ngành và địa phương áp đặt điều kiện kinh doanh bằng các thông tư và quyết định hành chính sau ngày 1/7/2015 nhưng không bộ, ngành hay chính quyền địa phương nào có hành động tuân thủ và Chính phủ phải lùi thời hạn này đến 1/7/2016.³¹

(ii) Luật Đầu tư yêu cầu chỉ quy định các điều kiện kinh doanh vì các lý do quốc phòng và an ninh quốc gia, trật tự xã hội và sức khỏe cộng đồng. Tuy nhiên, trong số hơn 6.000 điều kiện kinh doanh mà Bộ Kế hoạch Đầu tư thống kê, nhiều điều kiện kinh doanh không đáp ứng yêu cầu này và tạo ra rào cản gia nhập thị trường - những rào cản đang bóp nghẹt cạnh tranh và sáng tạo trong nền kinh tế.³²

Ví dụ, Thông tư 20/2011/TT-BCT đưa ra một loạt các điều kiện khắt khe về nhập khẩu xe ô tô nguyên chiếc mới với thời hạn có hiệu lực từ 26/6/2011. Theo đó, tất cả các doanh nghiệp muốn nhập xe ô tô mới phải có giấy chỉ định hoặc giấy ủy quyền là nhà nhập khẩu, nhà phân phối của chính hãng sản xuất. Điều này đã gây sốc hàng loạt các doanh nghiệp nhập khẩu xe. Vì trên thực tế, tất cả các hãng xe toàn cầu đều thường chỉ có duy nhất một nhà phân phối xe tại một quốc gia hoặc khu vực nhất định.

Trước khi có thông tư 20/2011, giá xe nhập khẩu ở VN rất cạnh tranh, nhiều lúc đẩy các xe sản xuất tại VN rơi vào thế lép vế. Nhưng, đến nay, sau 4 năm được Bộ Công thương hỗ trợ, xe nhập khẩu chỉ được thực hiện bởi các công ty con của các hãng ở VN hoặc thông qua một đại lý (VD: Toyota VN, Trường Hải, Thành công...). Lúc này nhà

³⁰ Nguồn: <http://vneconomy.vn/thoi-su/viet-nam-can-mot-chinh-sach-canh-tranh-moi-20151205100140738.htm>

³¹ Như trên đã dẫn

³² Như trên đã dẫn

nhập khẩu xe đồng thời cũng là nhà sản xuất (lắp ráp) loại xe đó ở Việt Nam, họ có quyền ấn định giá theo ý muốn, lúc này sự cạnh tranh ở thị trường xe hơi nhập khẩu và lắp ráp trong nước đã bị triệt tiêu, người tiêu dùng bị thiệt hại.

Thứ ba, Tình trạng ở nhiều thị trường thực thi pháp luật yếu cũng được báo cáo đề dẫn đánh giá là đã tạo điều kiện cho buôn lậu, trốn thuế, hàng giả và gian lận trở nên lan tràn và gây ra tác hại cho sản xuất, phúc lợi người tiêu dùng và thu ngân sách.

Ví dụ 1: hành vi “chuyển giá”³³ của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI), thực trạng chuyển giá của doanh nghiệp FDI đã ảnh hưởng đến thu ngân sách, gây ra hiện tượng cạnh tranh không lành mạnh... Những hành vi chuyển giá chủ yếu là của các tập đoàn lớn trên thế giới đã xuất hiện ở Việt Nam như: *Nâng cao giá góp vốn, giá công nghệ định giá quá cao, tạo nên áp lực, ảnh hưởng đến thu ngân sách; Chuyển giá qua mua nguyên liệu, hương liệu, hiện bán dưới giá thành đang rất phổ biến; Chuyển giá thông qua cung cấp dịch vụ, phí quản lý, chênh lệch thuế suất giữa nhà thầu và chủ đầu tư, v.v...* Dấu hiệu chuyển giá rất dễ nhận thấy nhưng chứng minh được điều đó lại rất khó. Ở Việt Nam hiện có khoảng 5-6% số doanh nghiệp FDI có hiện tượng lỗ kéo dài, lỗ lũy kế, chuyển từ các năm sau.

VD 2: Hành vi thỏa thuận ngầm của các doanh nghiệp nhằm thao túng giá, việc thao túng giá xảy ra ở hầu hết các ngành nghề, các lĩnh vực, một số ví dụ như: Nghi vấn độc quyền ngầm thao túng giá sữa, thanh tra vào cuộc (<http://fica.vn/tien-va-hang/nghi-van-doc-quyen-ngam-thao-tung-gia-sua,-thanh-tra-vao-cuoc-8445.html>); Thỏa thuận ngầm thao túng giá: phổ biến ở nhiều ngành (<http://tintuonline.com.vn/kinh-doanh/thoa-thuan-ngam-thao-tung-gia-pho-bien-o-nhieu-nganh-p0c1034n465971.vnn>); Ai thâm tóm “quyền lực ngầm” thâm tóm giá thuốc (<http://www.doisongphapluat.com/doi-song/suc-khoe/ai-thau-tom-quyen-luc-ngam-thao-tung-gia-thuoc-a79328.html>)...

Hành vi thỏa thuận thao túng giá xảy ra ở hầu hết các ngành nghề, lĩnh vực của nền kinh tế, gây ra sự méo mó đối với chính sách cạnh tranh cũng như nền kinh tế.

Đánh giá tầm quan trọng của thể chế đối với chính sách cạnh tranh, hiệp định TPP đã quy định buộc các thành viên phải thông qua luật cạnh tranh³⁴ hoặc duy trì luật cạnh tranh³⁵ quốc gia. Với mục tiêu thúc đẩy hiệu quả kinh tế, mang lại môi trường cạnh tranh công bằng và lành mạnh, bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng.

Vì thế sau khi gia nhập TPP, Việt Nam buộc phải hoàn thiện thể chế, chính sách cạnh tranh, trong đó bao gồm việc ban hành hệ thống pháp luật cạnh tranh, thực thi cạnh

³³ Khái niệm chuyển giá không được định nghĩa trong hệ thống pháp luật Việt Nam, hành vi này thực ra là một loại hành vi thỏa thuận giữa tập đoàn mẹ ở nước ngoài và công ty con ở trong nước để nhằm mục đích trốn thuế.

³⁴ Đối với các quốc gia chưa có luật cạnh tranh

³⁵ Đối với các quốc gia đã có luật cạnh tranh

tranh có hiệu quả, xóa bỏ sự ưu ái đối với các doanh nghiệp độc quyền, thống lĩnh thị trường nhà nước, tạo ra sự cạnh tranh bình đẳng giữa các thành phần kinh tế..v.v...

9. Tác động đối với hoạt động cạnh tranh của doanh nghiệp & người tiêu dùng

a. Những thuận lợi khi thực thi chính sách cạnh tranh trong TPP

Theo luật cạnh tranh hiện hành, pháp luật chỉ điều chỉnh cho các quan hệ cạnh tranh giữa các đối tượng hoạt động cạnh tranh tại thị trường Việt Nam, do vậy mỗi quan hệ cạnh tranh sẽ mang tính bó hẹp trong một thị trường.

Do vậy, khi Hiệp định TPP có hiệu lực, cơ hội để doanh nghiệp yêu cầu cơ quan quản lý cạnh tranh quốc gia bảo vệ quyền lợi của mình khi có những hành vi phản cạnh tranh ở nước ngoài gây thiệt hại cho doanh nghiệp hoặc nhà nước. Tuy nhiên, để thực hiện được điều này, trước hết Việt Nam phải sửa đổi luật cạnh tranh, trong đó có phạm vi điều chỉnh cả những hành vi phản cạnh tranh ở nước ngoài.

Đối với người tiêu dùng, cơ hội để bảo vệ quyền lợi của mình khi bị xâm hại bởi các sản phẩm của những nhà sản xuất không hoạt động tại Việt Nam thì không thuộc đối tượng điều chỉnh của luật bảo vệ quyền lợi NTD hiện hành. Vậy, khi bị thiệt hại bởi những sản phẩm của các nhà sản xuất đó thì NTD chỉ biết chịu thiệt thòi, không biết kêu ai. Hơn nữa, như đã phân tích ở trên, hệ thống pháp luật bảo vệ người tiêu dùng ở Việt Nam còn rất thiếu và yếu. Chúng ta có thể so sánh hai vụ việc ở Việt Nam và Hoa Kỳ khi bảo vệ NTD:

Ví dụ 1, bảo vệ NTD ở Việt Nam: Vụ bác sỹ Trần Anh Huy lái xe “điên” gây tai nạn làm hai người chết trên đường Lý Thái Tổ, quận 10 (2012). Theo lời khai ban đầu của anh Huy thì do kẹt chân ga và túi khí bung ra không đúng lúc làm tầm nhìn bị hạn chế... Sau khi tai nạn xảy ra, cuộc giám định tại hãng Toyota cho biết nguyên nhân là do lỗi của người lái, xe không có lỗi kỹ thuật. Vậy tại sao người lái xe luôn bị đổ lỗi? Theo ông Nguyễn Hồng Quang, Giám đốc Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới (quận 7, TP.HCM): *"Nguyên nhân tai nạn giao thông có nhiều dạng, song lỗi về hệ thống phanh, lái, gầm xe cần phải được xem lại. Tỷ lệ lỗi ngay trong lần kiểm định đầu tiên ở hệ thống phanh chiếm 52,6%; hệ thống lái 31,7% và lỗi bánh xe có tỷ lệ 11,6%. Nhắc đến lỗi tiềm ẩn của phương tiện cơ giới, tại các trung tâm kiểm định của Việt Nam, gần như lỗi áp suất dầu phanh của dòng xe Toyota thì không thể nào phát hiện được. Vì đây là những lỗi tiềm ẩn nên người điều khiển phương tiện giao thông chỉ có thể mừng tưng chuyện xe mắc lỗi khi xảy ra tai nạn. Thời khắc xảy ra tai nạn rất nhanh, bản thân người điều khiển phương tiện không thể cảm nhận được lỗi vừa gây ra là khách quan hay chủ quan".*³⁶

Ví dụ 2, Bảo vệ NTD ở Hoa Kỳ: Vào tháng 1 năm 2002, trên xa lộ liên bang phía đông San Diego, chủ nhân chiếc xe bị tai nạn này đã tránh một chương ngại vật trên đường và bị mất kiểm soát tay lái dẫn đến xe bị lật mấy vòng. Khi xe bị lật mui xe đã sụp

³⁶ <http://www.nguoiduatin.vn/tai-nan-giao-thong-bo-tay-voi-nhung-loi-tiem-an-a18339.html>

xuống đê lên người nạn nhân làm bà ta bị liệt nửa người. Theo luật sư của bên nguyên trong vụ kiện này, một trong những nguyên nhân dẫn đến tai nạn thuộc về lỗi kỹ thuật thiết kế xe. Chiếc xe có trọng tâm cao, có khoảng cách giữa bánh xe trước và sau hẹp khiến người lái khó kiểm soát được tay lái trong những lúc queo cua gắt. Một bồi thẩm đoàn ở hạt San Diego (Hoa Kỳ) ngày 3/6/2004 đã ra phán quyết buộc một hãng xe hơi Hoa Kỳ phải trả cho một phụ nữ bị tai nạn khi lái xe do hãng này sản xuất số tiền kỷ lục là gần 369 triệu USD, gồm 246 triệu tiền phạt và 122,6 triệu tiền bồi thường.³⁷

Qua hai ví dụ trên cho thấy sự khác biệt của cơ quan thẩm quyền khi bảo vệ người tiêu dùng ở Việt Nam và Hoa Kỳ.

b. Thách thức đối với doanh nghiệp

Cơ hội luôn đi đôi với thách thức, nếu cơ hội nhiều thì thách thức cũng lớn. Khi gia nhập TPP, các doanh nghiệp và người tiêu dùng trong nước có nhiều cơ hội hơn để được bảo vệ khỏi những hành vi phản cạnh tranh, cũng như quyền lợi của người tiêu dùng. Cùng với việc được tạo ra nhiều cơ hội để bảo vệ quyền lợi thì các doanh nghiệp cũng phải chịu trách nhiệm lớn hơn đối với hành vi cạnh tranh của mình và người tiêu dùng không chỉ ở trong nước mà còn ở nước ngoài.

Đối với hoạt động cạnh tranh, trước đây các doanh nghiệp chỉ chịu sự điều chỉnh bởi luật cạnh tranh quốc gia tại thị trường trong nước. Nhưng, với cam kết trong TPP thì những hoạt động phản cạnh tranh tại thị trường trong nước, nếu làm thiệt hại đến các doanh nghiệp ở nước ngoài (trong khối TPP) thì các doanh nghiệp đó có thể yêu cầu cơ quan quản lý cạnh tranh của quốc gia đó xử lý theo luật cạnh tranh quốc gia.

Ví dụ: Trong buổi lễ ra mắt điện thoại Bphone, ông Nguyễn Tử Quảng, giám đốc BKV đã so sánh giữa sản phẩm của họ với sản phẩm của Apple và Samsung Một số người cho rằng BKV đã vi phạm luật cạnh tranh khi đưa ra quảng cáo so sánh giữa hai sản phẩm và tại sao Apple và Samsung lại im lặng? phải chăng họ không thèm chấp BKV hay là do LCT không điều chỉnh mối quan hệ này?...

Tuy nhiên, theo TPP, pháp luật cạnh tranh quốc gia có thể điều chỉnh các hành vi phản cạnh tranh ở ngoài biên giới.³⁸ Do vậy công ty Apple có thể khởi kiện BKV ra cơ quan quản lý cạnh tranh của Hoa Kỳ theo pháp luật về cạnh tranh của Hoa Kỳ (nếu vi phạm). Vậy, hậu quả sẽ thế nào khi cơ quan quản lý cạnh tranh Hoa Kỳ xác định hành vi của giám đốc BKV là vi phạm pháp luật cạnh tranh Hoa Kỳ?.

Đối với bảo vệ người tiêu dùng cũng vậy, chúng ta đều biết là ở các quốc gia phát triển có hệ thống pháp luật bảo vệ người tiêu dùng rất nghiêm khắc:

³⁷ <http://www.vibonline.com.vn/Forum/TopicDetail.aspx?TopicID=2290>

³⁸ Chú thích 2, chương 16 TPP

Ví dụ: Vụ kiện “Vết bỏng 2 triệu USD” từ hơn 20 năm về trước. Theo đó, McDonald’s đã bị Tòa án phạt 2,7 triệu USD và phải bồi thường 160.000 USD viện phí cho bà Stella Liebeck (79 tuổi người Mexico). Bởi vì cốc cà phê nóng, đổ vào người khiến nạn nhân bỏng 16% ở đùi trong, mông, khu vực bộ phận sinh dục (6% bỏng độ 3).³⁹ Lúc đầu, “đại gia đồ ăn nhanh” của Mỹ đã từ chối thắng kiện và tự tin bồi thẩm đoàn sẽ không đi phạt một hãng mà đang phục vụ cà phê “vừa ý” khách hàng đến vậy khi viện tới mức doanh thu vào thời điểm đó. Nhưng bà Stella Liebeck khẳng định: “Tôi không đi kiện vì tiền mà chỉ muốn McDonald’s giảm nhiệt độ xuống để những người khác không bị bỏng như mình”. Các bằng chứng thu thập được lúc đó cho thấy nhiệt độ cà phê của McDonald’s lên tới 80-88 độ C, thậm chí còn cao hơn tại một số cửa hàng. Theo các chuyên gia, đây là mức nhiệt có thể gây bỏng độ 3 chỉ trong vòng dưới 3 giây. Trong khi nếu McDonald’s giảm xuống 70 độ C hoặc 54 độ C thì thời gian bị bỏng có thể lần lượt là 15 và 20 giây.⁴⁰

Còn ở Việt Nam, từ chai nước ngọt có ruồi của Tân Hiệp Phát đã làm một khách hàng được hưởng 5 năm tù (án sơ thẩm), một khách hàng khác suýt vào tù. Khi cơ quan quản lý thị trường phát hiện sản phẩm bị đóng cặn thì đại lý bị phạt vì lỗi kho bảo quản không đảm bảo.v.v...Nhưng nhà sản xuất Tân hiệp Phát thì vẫn “vô can”; cho đến vụ “chém” 7 du khách Nhật với bữa ăn có giá trên 16,6 triệu đồng ở Vũng Tàu,⁴¹ thực phẩm bản tuần vào siêu thị.⁴²v.v... Nhưng các nhà sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ chỉ bị phạt “lấy lệ”, sau đó thì vẫn tiếp tục chứng nào tật nấy....

III. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

Để đảm bảo thực hiện đúng các cam kết về chính sách cạnh tranh trong TPP, nhằm tạo ra môi trường cạnh tranh lành mạnh, Việt Nam cần phải thực hiện các công việc như: *Thứ nhất*, liên quan đến cải cách thể chế:

- Đối xử công bằng giữa các loại hình doanh nghiệp, không phân biệt giữa doanh nghiệp có vốn đầu tư nhà nước và tư nhân
- Đẩy mạnh thực thi pháp luật về cạnh tranh, chống các hành vi gian lận thương mại, gian lận thuế
- Loại bỏ các rào cản về gia nhập thị trường của doanh nghiệp (điều kiện kinh doanh, nghiên cứu và sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật về cạnh tranh và những văn bản luật pháp liên quan đến cạnh tranh cho phù hợp với các cam kết:

³⁹ Khi đó, truyền thông đã gọi đây là bài học nhớ đời cho hãng đồ ăn nhanh Mỹ

⁴⁰ <http://songmoi.vn/kinh-te-kinh-doanh/mcdonald%E2%80%99s-dam-va-vet-xe-do-sau-2-thap-ky>

⁴¹ <http://vietnamnet.vn/vn/kinh-doanh/219186/chat-chem-vung-tau-noi-khiiep-so-cua-du-khach.html>

⁴² <http://vietnamnet.vn/vn/kinh-doanh/166208/thuc-pham-ban-va-vao-sieu-thi-song-chet-mac-dan.html>

Thứ hai, Hoàn thiện Luật cạnh tranh và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng:

- Phạm vi điều chỉnh theo lãnh thổ: Luật cạnh tranh Việt Nam cần phải mở rộng phạm vi điều chỉnh đối với những hành vi phản cạnh tranh ở ngoài lãnh thổ quốc gia, nếu như những hành vi đó làm tổn hại đến doanh nghiệp, lợi ích chung của xã hội, lợi ích quốc gia.
 - Đối với cơ quan thực thi cạnh tranh, cần phải là một cơ quan độc lập hoàn toàn giống như một số quốc gia, không phụ thuộc và độc lập hoàn toàn trong tổ chức, hoạt động và thực thi công vụ.
 - Cần phải quy định rõ thời hạn để cung cấp chứng cứ trong quá trình điều tra, cũng như việc sử dụng thông tin sẵn có nếu bị đơn không hợp tác hoặc hết thời hạn nộp cứ mà bị đơn không cung cấp.
 - Quy định rõ trình tự, thủ tục bảo mật thông tin, quy định về chế tài khi vi phạm về bảo mật thông tin.
 - Luật cạnh tranh cần phải quy định rõ quyền khởi kiện cá nhân và dẫn chiếu đến các luật khác để thực thi quyền khởi kiện cá nhân.
 - Bảo vệ người tiêu dùng: cần phải mở rộng phạm vi bảo vệ người tiêu dùng có thể là người tiêu dùng ở ngoài biên giới lãnh thổ Việt Nam.
 - Quy định về miễn trừ trong luật cạnh tranh Việt Nam cần phải tương thích với TPP, đó là cần phải quy định những ngành nghề nào được miễn trừ thay vì quy định hiện hành là liên quan đến thị phần và quy mô doanh nghiệp.
 - Cần quy định xử phạt thật nặng đối với hành vi xâm hại quyền lợi người tiêu dùng (phạt cho chừa).
- Thứ ba*, một số ý kiến đối với cộng đồng doanh nghiệp
- Cần trọng và tuân thủ pháp luật về cạnh tranh, nếu không sẽ có nguy cơ bị kiện vì hành vi phản cạnh tranh ở nước ngoài;
 - Cần có trách nhiệm đối với sản phẩm của mình và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, không chỉ ở trong nước mà còn ở nước ngoài.

Tài liệu tham khảo

1. Hiệp định TPP
2. Hiệp định Chống bán phá giá
3. Hiệp định FTA Singapore – Hoa Kỳ
4. Luật cạnh tranh 2004
5. Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng 2010
6. Đạo luật Y Tế Công cộng và Người khuyết tật của Newzeland năm 2000
7. Đạo luật cạnh tranh Hoa Kỳ Sherman Act (1890),
8. Đạo luật Clayton Act (1914)
9. Đạo luật US Federal Trade Comission Act (1914)

10. US Commission rule (19.C.F.R)
11. COUNCIL REGULATION (EC) No 2026/97 of 6 October 1997 on protection against subsidized imports from countries not members of the European Community (OJ L 288, 21.10.1997
12. Tuyên bố Xê-un của Hội nghị Bộ trưởng lần thứ ba năm 1991
13. OECD, Các doanh nghiệp Nhà nước và Nguyên tắc trung lập về cạnh tranh, DAF/COMP(2009)37.
14. Lương Văn Tự, những cam kết trong TPP và vấn đề đặt ra cho các doanh nghiệp trong 2 năm tới, trước khi TPP được các nước phê chuẩn (chinhphu.vn)Nguyễn
15. Ngọc Trân, Quốc hội cạnh tranh và thể chế, (<http://www.daibieunhandan.vn/default.aspx?tabid=76&NewsId=360241>)
16. Nguyễn Thị Hương Thanh, Tác động của hiệp định đối tác kinh tế chiến lược xuyên thái bình dương (TPP) đến ngành ngân hàng việt nam
17. Russell Pittman, Tại sao phải có chính sách cạnh tranh - đặc biệt đối với những nước đang phát triển ? Tạp chí Điện tử của Bộ Ngoại giao Mỹ, tháng 2/1999
18. 2. IMF financial soundness indicators: fsi.imf.org
19. 3. World Bank, Global financial development database: www.worldbank.org
20. 4. Brock R. Williams, 2013. “Trans-Pacific Partnership (TPP) Countries: Comparative Trade and Economic Analysis”, CRS Report for Congress.
21. <http://fica.vn/tien-va-hang/nghi-van-doc-quyen-ngam-thao-tung-gia-sua,-thanh-tra-vao-cuoc-8445.html>);
22. <http://tintuonline.com.vn/kinh-doanh/thoa-thuan-ngam-thao-tung-gia-pho-bien-onhieu-nganh-p0c1034n465971.vnn>);
23. <http://www.doisongphapluat.com/doi-song/suc-khoe/ai-thau-tom-quyen-luc-ngam-thao-tung-gia-thuoc-a79328.html>).
24. <http://vneconomy.vn/thoi-su/viet-nam-can-mot-chinh-sach-canh-tranh-moi-20151205100140738.htm>
25. <http://vneconomy.vn/thoi-su/viet-nam-can-mot-chinh-sach-canh-tranh-moi-20151205100140738.htm>
26. <http://trungtamwto.vn/tpp/han-quoc-va-bai-toan-tpp>
27. <http://vietnamnet.vn/vn/kinh-doanh/219186/chat-chem-vung-tau-noi-khiep-so-cua-du-khach.html>
28. <http://vietnamnet.vn/vn/kinh-doanh/166208/thuc-pham-ban-vao-sieu-thi-song-chet-mac-dan.html>
29. <http://songmoi.vn/kinh-te-kinh-doanh/mcdonald%E2%80%99s-dam-vao-vet-xe-do-sau-2-thap-ky>